

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **304/2017/HS-PT**

Ngày 20/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thăng

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tùng

Ông Nguyễn Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 245/2017/HSPT ngày 02/10/2017 đối với bị cáo Nguyễn Trường S, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 82/2017/HS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Trường S (Tên gọi khác: B), sinh năm 1986 tại Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Số 14x, tổ 1, ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê.

Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Phước P1, sinh năm 1965.

Vợ là Phan Thị Hồng P2, sinh năm 1987 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 28/4/2016 đến ngày 28/10/2016. Hiện bị cáo được tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Cao Đại Kỳ Q - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai và Luật sư Nguyễn Văn D - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 15x, đường Q, phường Y, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trường S là người làm thuê cho ông Võ Minh K - Giám đốc Công ty dịch vụ cơ khí M, có trụ sở tại khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty M).

Khi nghe nói ông Hồ Xuân X là nhân viên của Công ty M đã chiếm giữ con dấu, giấy tờ của Công ty và còn tự ý cho chị Nguyễn Thị P nuôi dê trên diện tích 2,8ha đất của Công ty tại ấp 8, xã T, huyện Đ, bị cáo S cho rằng ông X có quan hệ tình cảm với chị P và đàn dê chị P đang nuôi là của ông X nên nảy sinh ý định bắt dê để buộc ông X phải trả lại giấy tờ cho ông K.

Khoảng 12 giờ 00 ngày 27/4/2016, sau khi đi dự đám giỗ ở thị trấn T, huyện T trở về, S thuê xe tải biển số 60C-044.62 của ông Nam Văn P3, thuê xe ba gác máy biển số 61U1-9810 của anh Đặng Phước T và thuê một đối tượng tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) đi từ thị trấn T đến ấp 8, xã T, huyện Đ để bắt dê. Khoảng 14 giờ 00 cùng ngày, khi thấy nhóm của S bắt dê lên xe thì chị P chạy ra ngăn cản. Bị cáo S không ngừng lại mà yêu cầu chị P lên Công ty M giải quyết. Thấy vậy, chị P không ngăn cản nữa mà gọi điện thoại báo Công an xã T. Khi lực lượng Công an xã đến nơi thì S đã bỏ đi cùng các phương tiện vận chuyển. Sau đó, S mang dê về nhốt tại kho của Công ty M.

Đến 15 giờ 00 ngày 28/4/2016, Công an huyện Đ tiến hành thu giữ tại kho cơ khí của Công ty M 25 con dê gồm 02 dê đực giống, 05 dê cái đang mang bầu, 03 dê cái đang nuôi con mới đẻ và 15 con dê nhỏ (trọng lượng mỗi con khoảng 05 đến 06kg).

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ ngày 18/7/2016, số dê thu giữ có tổng giá trị là 54.000.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 82/2017/HS-ST ngày 25/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 137, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S: 02 (hai) năm tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/4/2016 đến ngày 28/10/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/7/2017, bị cáo Nguyễn Trường S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Trường S cho rằng mình không phạm tội, đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Khi Nguyễn Trường S vào bắt dê đưa lên xe thì lúc đầu chị P ra ngăn cản. Do S đề nghị có gì ra Công ty giải quyết nên chị P không ngăn cản nữa. Ngoài ra, khi bắt đàn dê của chị P, S hoàn toàn không có mục đích chiếm đoạt mà chỉ nhằm tạo sức ép để ông X đến giải quyết mâu thuẫn với ông K và cá nhân S. Do đó, hành vi của S không cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” mà ngược lại, có dấu hiệu không phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Hồ sơ vụ án cho thấy, khi bị cáo đến bắt dê thì người bị hại có ra ngăn cản. Lời khai của bị cáo, người bị hại và những người làm chứng về sự ngăn cản, xô đẩy giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ là điều tra chưa đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử lại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa,

XÉT THẤY

Vào khoảng 14 giờ 00 ngày 27/4/2016, Nguyễn Trường S thuê ông Nam Văn P3 (tài xế xe tải), anh Đặng Phước T (tài xế xe ba gác máy) và đối tượng tên C, bốn người cùng đưa xe tải và xe ba gác máy đến ấp 8, xã T, huyện Đ bắt số dê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị P. Việc bị cáo cố ý chuyển dịch số dê trên khỏi sự quản lý của chị P là hành vi chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ.

Lời khai của bị cáo Nguyễn Trường S (Bút lục 39, 55) thể hiện: Khi S vào bắt dê thì có người phụ nữ ra cản, đập xe và la lên. S nói với người phụ nữ cứ ra ngoài Công ty gặp chú L rồi tính, sau đó đưa dê lên xe đi về.

Lời khai chị Nguyễn Thị P (Bút lục 46) thể hiện: Khi thấy người vào bắt dê chị có hỏi dê của tôi ai cho các anh bắt thì người bắt dê nói giờ chúng tôi bắt có gì gọi chú L. Chị P đứng ra cản và la lên thì người bắt dê đẩy chị ra nói nếu không tránh sẽ đánh. Chị P gọi điện báo công an ấp nhưng S vẫn cho chở dê đi.

Lời khai của chị Trần Thị T1 là người làm thuê cho chị P (Bút lục 44) thể hiện: Khi thấy S bắt dê, chị P ngăn cản nhưng nhóm người vẫn lấy dê cho lên xe.

Lời khai của anh Đặng Phước T là người điều khiển xe ba gác (Bút lục 50) thể hiện: Khi bắt dê lên xe thì có người phụ nữ ra ngăn cản nhưng sau đó không ngăn cản nữa.

Như vậy, khi bị cáo công khai thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị P, không phải chị P đang ở trong tình thế không có điều kiện để ngăn cản - dấu hiệu đặc trưng trong mặt khách quan của tội “Công nhiên chiếm đoạt tài

sản”. Thực tế, chị P đã có hành động phản đối và ngăn cản nhưng bị cáo và những người đi cùng vẫn chuyển tài sản đi.

Do đó, trong vụ án này cần điều tra, làm rõ mức độ và sự tương quan về sức mạnh giữa hành động ngăn cản của chị P với hành vi cố ý chiếm đoạt tài sản của bị cáo S. Có phải do S dùng vũ lực hay lo sợ S dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực mà chị P không thể tiếp tục ngăn cản, để S chiếm đoạt tài sản mang đi hay không.

Do các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa làm rõ những vấn đề trên mà quy kết bị cáo phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” là điều tra chưa đầy đủ, có dấu hiệu sai về tội danh. Vì vậy, cần hủy án sơ thẩm, giao về điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Do án sơ thẩm phải hủy, bị cáo Nguyễn Trường S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 248, khoản 1 Điều 250 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 82/2017/HS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Đ (2);
- VKSND H. Đ;
- Công an H. Đ;
- Chi cục THADS H. Đ;
- Phòng PV27 CA T. Đồng Nai;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Thắng